

Số: **29** /2016/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày **29** tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục đầu tư
đối với dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính
phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế và Nghị định số
164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ
sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính
phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng
Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại
cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế
hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt
động đầu tư tại Việt Nam;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong giải
quyết thủ tục đầu tư đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, cụm
công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.
Quyết định này thay thế Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 11/4/2014 của

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế giải quyết thủ tục đầu tư tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

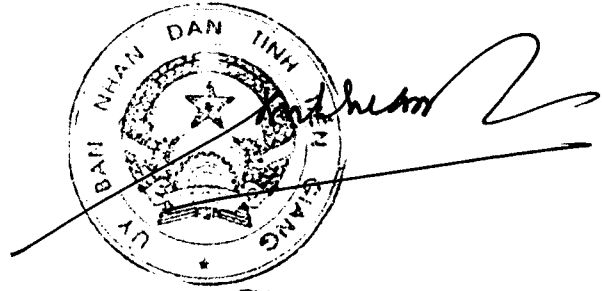
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, thị xã Cai Lậy và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Cục Kiểm tra VB (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- VPUB: CVP, các PCVP,
Các phòng: KTN, TH;
- Website tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTXD

20/11

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn

QUY CHẾ

**Phối hợp trong giải quyết thủ tục đầu tư đối với dự án đầu tư
trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **29**/2016/QĐ-UBND
ngày **29**/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định trình tự, thủ tục và quan hệ phối hợp trong tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính để nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài triển khai đầu tư dự án tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp (gọi tắt là khu, cụm công nghiệp) trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Các thủ tục hành chính về đầu tư (gọi tắt là thủ tục đầu tư) thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này gồm:

a) Thủ tục cấp, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư;

b) Thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài; thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế;

c) Thủ tục chấm dứt dự án đầu tư.

3. Các thủ tục hành chính khác có liên quan đến dự án đầu tư, không thuộc các thủ tục được quy định tại Khoản 2 Điều này, nhà đầu tư thực hiện theo hướng dẫn, quy định của cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính đó.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

1. Nhà đầu tư là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, gồm:

a) Doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp 2014; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành lập và hoạt động theo Luật Đầu tư 2014;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã;

c) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập trước khi Luật Đầu tư 2014 có hiệu lực;

d) Hộ kinh doanh, cá nhân;

đ) Tổ chức, cá nhân nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; người nước ngoài thường trú ở Việt Nam;

e) Các tổ chức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang; các sở, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, thị xã Cai Lậy (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Tổ Thẩm định dự án đầu tư; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II CƠ CHẾ PHỐI HỢP

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

Công tác phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc giải quyết thủ tục đầu tư được tiến hành theo các nguyên tắc sau đây:

1. Nội dung công việc phải liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp.

2. Bảo đảm yêu cầu chuyên môn, chất lượng và thời hạn phối hợp.

3. Bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động phối hợp; đề cao trách nhiệm cá nhân của thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức tham gia phối hợp.

4. Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phối hợp.

5. Khi phối hợp giải quyết các thủ tục đầu tư, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết thủ tục đầu tư trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở, ngành, cấp mình; đồng thời đề cao vai trò, trách nhiệm trong việc phối hợp với các sở, ngành, cấp có liên quan giải quyết thủ tục đầu tư cho các nhà đầu tư; góp phần đảm bảo việc giải quyết các thủ tục đầu tư tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh được thực hiện một cách thuận lợi, nhanh chóng, đúng pháp luật và chủ trương của tỉnh.

Điều 4. Quy trình phối hợp

1. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang là cơ quan đầu mối về tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục đầu tư đối với các dự án đầu tư trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi là Cơ quan đầu mối).

2. Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh, sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư, Cơ quan đầu mối có trách nhiệm gửi hồ sơ đến các thành viên trong Tổ Thẩm định dự án đầu tư, các cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện để lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản hoặc tổ chức họp Tổ Thẩm định dự án.

Các thành viên Tổ Thẩm định dự án, các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời về nội dung được lấy ý kiến trong thời hạn quy định của Quy chế

này đến Cơ quan đầu mối, nếu quá thời gian quy định mà không gửi ý kiến của mình cho Cơ quan đầu mối thì được xem là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình.

Cơ quan đầu mối tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) để xem xét, quyết định và gửi kết quả lại Cơ quan đầu mối.

Cơ quan đầu mối thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho nhà đầu tư ngay khi nhận được kết quả từ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Trách nhiệm của Ban quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang

1. Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 20 và Điều 37 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Khoản 21 Điều 1 của Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 13/4/2008; Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 03/9/2015 của Liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 23/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh thực hiện một số nhiệm vụ quản lý các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và Công văn số 7113/VPCP-TCCV ngày 10/9/2015 của Văn phòng Chính phủ về tiếp tục thí điểm giao Ban Quản lý các khu công nghiệp Tiền Giang quản lý các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Tiếp nhận và trả kết quả đối với các hồ sơ được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này.

3. Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch, các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp thực hiện công tác xúc tiến, mời gọi đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

4. Tổ chức họp Tổ thẩm định dự án đầu tư; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan xem xét giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các đề nghị, yêu cầu của nhà đầu tư để thực hiện dự án đầu tư tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Niêm yết tại trụ sở cơ quan làm việc các quy trình, thủ tục đầu tư được quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quy chế này để nhà đầu tư biết, thực hiện.

6. Có trách nhiệm hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định, đề nghị của nhà đầu tư; cung cấp và hướng dẫn các quy định, chủ trương, chính sách ưu đãi của Chính phủ và của Ủy ban nhân dân tỉnh cho nhà đầu tư biết, thực hiện.

7. Trong trường hợp cần phải tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải quyết thủ tục đầu tư hoặc trong quá trình nhà đầu tư triển khai đầu tư xây dựng dự án, Ban Quản lý các Khu công nghiệp chủ trì, phối hợp với thành viên trong Tổ Thẩm định dự án và các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi triển khai dự án) tổ chức họp hoặc khảo sát thực tế để tháo gỡ hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến giải quyết. Kết quả họp hoặc khảo sát thực tế phải có biên bản giải quyết và thông báo ngay đến nhà đầu tư, sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trong trường hợp vượt quá thẩm quyền, ngay sau khi họp hoặc sau khi khảo sát, Ban Quản lý các Khu công nghiệp báo cáo, đề xuất để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

8. Tổng hợp kết quả và các vấn đề vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 6. Trách nhiệm phối hợp của các Sở, ngành, tổ chức có liên quan

1. Trách nhiệm Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Cung cấp cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thông tin thay đổi về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của nhà đầu tư có vốn đầu tư trong và ngoài nước đầu tư tại các khu, cụm công nghiệp;

b) Thẩm định và có ý kiến bằng văn bản về vấn đề liên quan đến các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

c) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hình thành, triển khai và thực hiện dự án.

2. Trách nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Cung cấp các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có liên quan đến dự án đầu tư cho nhà đầu tư; hướng dẫn các thủ tục có liên quan về lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

b) Thỏa thuận địa điểm thực hiện dự án đầu tư sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thành lập mới hoặc mở rộng khu, cụm công nghiệp);

c) Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ xin giao đất, thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

d) Thẩm tra và có ý kiến bằng văn bản về sự phù hợp của các dự án đầu tư so với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; lĩnh vực đất đai; tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các dự án thuộc thẩm

quyền của cấp Sở. Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

đ) Chủ trì hoặc phối hợp với các Sở, ngành liên quan giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư trong lĩnh vực đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

3. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghiệp thông tin về quy hoạch xây dựng đã được công bố theo thẩm quyền; hướng dẫn thực hiện các quy định về xây dựng khi có yêu cầu;

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghiệp thực hiện thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500;

c) Xem xét và có ý kiến bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước về xây dựng, sự phù hợp của dự án đầu tư đối với các quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành đã được phê duyệt;

d) Chủ trì hoặc phối hợp với các Sở, ngành liên quan giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực xây dựng đối với dự án đầu tư.

4. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Thẩm tra và có ý kiến bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến thẩm quyền quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; về lao động việc làm đối với dự án đầu tư;

b) Chủ trì hoặc phối hợp với các sở, ngành liên quan giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực lao động việc làm đối với dự án.

5. Trách nhiệm của Sở Công Thương

a) Cung cấp thông tin về Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

b) Thẩm định và có ý kiến bằng văn bản về các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Công Thương, sự phù hợp của dự án đầu tư đối với quy hoạch phát triển ngành;

c) Phối hợp với các sở, ngành liên quan giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến hoạt động công nghiệp, thương mại của dự án đầu tư.

6. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hướng dẫn thực hiện các quy định về khoa học, công nghệ liên quan đến hoạt động đầu tư;

b) Thẩm định và có ý kiến bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến khoa học, công nghệ của dự án đầu tư;

c) Chủ trì hoặc phối hợp với các sở, ngành liên quan giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đối với dự án.

7. Trách nhiệm của Cục thuế tỉnh

a) Thẩm định và có ý kiến bằng văn bản về kiến nghị chính sách ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực thuế dành cho dự án;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư trong lĩnh vực thuế, phí, lệ phí.

c) Phối hợp với các ngành liên quan có ý kiến đề xuất xử lý các vấn đề liên quan đến xác định giá thuê đất công để thực hiện dự án, tài sản công.

8. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Thẩm định và có ý kiến bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến tài chính đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương.

9. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

a) Thẩm định và có ý kiến bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến thẩm quyền quản lý của Sở;

b) Phối hợp với các sở, ngành có liên quan giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư trong lĩnh vực liên quan đến thẩm quyền quản lý.

10. Trách nhiệm của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch

a) Phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chủ đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp trong thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

b) Cung cấp và hướng dẫn các quy định, chủ trương, chính sách ưu đãi của Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh khi nhà đầu tư có yêu cầu, đề nghị.

Điều 7. Trách nhiệm của các sở, ngành khác và Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan đến việc giải quyết các thủ tục hành chính cho nhà đầu tư

1. Cung cấp thông tin về quy hoạch ngành đã được phê duyệt và công bố theo thẩm quyền; có ý kiến giải quyết hoặc đề xuất giải quyết các thủ tục đầu tư, các đề nghị, yêu cầu của nhà đầu tư theo chức năng và thẩm quyền của mình.

2. Hỗ trợ nhà đầu tư về các vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành trong quá trình nhà đầu tư triển khai dự án và đưa dự án vào hoạt động.

3. Thẩm định và có ý kiến bằng văn bản về các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý của mình.

4. Có ý kiến trả lời các yêu cầu, đề nghị của Ban Quản lý các Khu công nghiệp về các vấn đề liên quan đến dự án đầu tư trong thời gian tối đa 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, đề nghị. Quá thời hạn quy định mà không có ý kiến trả lời xem như đồng ý với kết quả giải quyết.

5. Chủ trì hoặc phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc của dự án đầu tư trong lĩnh vực thuộc chuyên ngành quản lý của mình.

6. Kiểm tra, đề xuất giải pháp tháo gỡ các khó khăn đối với các dự án đầu tư thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

Điều 8. Trách nhiệm của các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và cụm công nghiệp

1. Cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về quy hoạch và ngành nghề thu hút đầu tư vào khu, cụm công nghiệp được phê duyệt.

2. Cung cấp cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp về thông tin dự án đầu tư của nhà đầu tư; sự phù hợp quy hoạch, ngành nghề và phân khu chức năng của dự án đầu tư đầu tư vào khu, cụm công nghiệp.

3. Đăng ký với Ban Quản lý các Khu công nghiệp về khung giá và các loại phí. Việc đăng ký khung giá và phí thực hiện định kỳ 06 (sáu) tháng hoặc trong trường hợp có sự điều chỉnh khác so với khung giá đã đăng ký.

4. Thông báo bằng văn bản đến nhà đầu tư về chủ trương đầu tư và hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư trong thực hiện thủ tục đầu tư, triển khai và dự án đi vào hoạt động.

5. Định kỳ báo cáo về Ban Quản lý các Khu công nghiệp tình hình thu hút đầu tư, tình hình triển khai dự án đầu tư tại các khu, cụm công nghiệp. Báo cáo định kỳ gồm: báo cáo tháng (*ngày 14 hàng tháng*), báo cáo quý (*ngày 10 tháng 3, 6, 9, 12*), báo cáo năm (*ngày 10 tháng 12*).

6. Quản lý và hỗ trợ nhà đầu tư thi công xây dựng, thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

Chương III THỦ TỤC ĐẦU TƯ

Điều 9. Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư

1. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh

Trừ những dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh theo pháp luật về đầu tư công và các dự án quy định tại Điều 30 và Điều 31 của Luật Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sau đây:

a) Dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng; dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất;

b) Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

2. Các trường hợp không thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh

Nhà đầu tư có quyền triển khai ngay các thủ tục đầu tư của giai đoạn sau (thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) mà không phải xin chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc các trường hợp sau:

Dự án đầu tư quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này thực hiện tại khu công nghiệp phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh

3.1. Thành phần hồ sơ, gồm:

a) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (*Mẫu 1.1 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015*);

b) Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

c) Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (*Mẫu 1.2 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015*);

d) Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

đ) Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

e) Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

g) Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

3.2. Số lượng hồ sơ: 04 bộ, trong đó có 01 bộ gốc.

3.3. Trình tự và thời gian quyết định chủ trương đầu tư

Trong thời hạn 09 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp phải thông báo kết quả cho Nhà đầu tư. Thời gian này, không bao gồm thời gian hiệu chỉnh hồ sơ của Nhà đầu tư (nếu có).

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc lấy ý kiến thẩm định qua hình thức họp Tổ Thẩm định dự án đầu tư về nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của cơ quan đó theo quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Đầu tư 2014 (gọi tắt là *Nghị định số 118/2015/NĐ-CP*), cụ thể:

- Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất;

- Nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (đối với dự án được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất);

- Điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (đối với dự án có mục tiêu thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài);

- Ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (đối với dự án thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư);

- Công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư (đối với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư 2014).

b) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định bằng văn bản những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, và gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp Tiền Giang.

Trường hợp họp Tổ Thẩm định dự án đầu tư, các thành viên Tổ Thẩm định phải gửi Phiếu ý kiến cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tại cuộc họp, nếu thành viên Tổ Thẩm định ủy quyền người khác dự họp, thành viên đó có trách nhiệm gửi ý kiến của mình bằng văn bản hoặc Phiếu ý kiến cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tại cuộc họp.

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các ý kiến thẩm định hoặc các Phiếu ý kiến, Ban Quản lý các Khu công nghiệp lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp thông báo kết quả đến Nhà đầu tư.

4. Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

a) Đối tượng không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

- Dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước.

- Dự án đầu tư của tổ chức kinh tế quy định tại Khoản 2 Điều 23 của Luật Đầu tư năm 2014.

- Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.

b) Việc quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện theo quy định tương ứng tại Khoản 3 Điều này.

c) Đối với dự án đầu tư được quy định tại Khoản 2 Điều này, Ban Quản lý các Khu công nghiệp lấy ý kiến thẩm định theo quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP để quyết định chủ trương đầu tư, thời gian giải quyết 09 ngày làm việc.

d) Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư 2014, đầu tư trong khu công nghiệp phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ban Quản lý các Khu công nghiệp lấy ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP để quyết định chủ trương đầu tư theo quy định sau:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có liên quan, Ban Quản lý các Khu công nghiệp xem xét, quyết định chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định chủ trương đầu tư được gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và nhà đầu tư.

Điều 10. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư

1. Đối tượng thực hiện thủ tục:

a) Nhà đầu tư trong nước có dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư trong nước thực hiện thủ tục theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Nhà đầu tư nước ngoài:

- Cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:

(i) Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là các nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh;

(ii) Có tổ chức kinh tế nêu tại mục (i) nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên.

(iii) Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế nêu tại mục (i) nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên.

2. Thành phần hồ sơ: Đối với nhà đầu tư trong nước có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì nộp văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của nhà đầu tư; đối với nhà đầu tư nước ngoài: không phải nộp thêm hồ sơ.

3. Thời gian và quy trình giải quyết: Ban Quản lý các Khu công nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

4. Đối với dự án đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 9 Quy chế này thực hiện tại khu công nghiệp phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ban Quản lý các Khu công nghiệp lấy ý kiến thẩm định theo quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định 118/2015/NĐ-CP để cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 09 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ mà không phải trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. Thành phần hồ sơ theo quy định tại Điểm 3.1 Khoản 3 Điều 9 Quy chế này. Hồ sơ gồm 04 bộ, trong đó có 01 bộ gốc.

Điều 11. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đối tượng thực hiện thủ tục:

a) Nhà đầu tư trong nước không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư trong nước thực hiện thủ tục theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Nhà đầu tư nước ngoài: Như Điểm b Khoản 1 Điều 10 Quy chế này.

c) Đối với dự án đầu tư đã triển khai hoạt động, nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định Khoản 2 Điều này, trong đó đề xuất dự án đầu tư được thay bằng báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*Mẫu I.8 Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015*).

2. Thành phần hồ sơ: Theo quy định tại Điểm 3.1 Khoản 3 Điều 9 Quy chế này.

3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc.

4. Thời gian và quy trình giải quyết thủ tục: Ban Quản lý các Khu công nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 09 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư hợp lệ theo quy định nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a) Mục tiêu của dự án đầu tư không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh;

b) Dự án đầu tư đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP (nếu có).

Điều 12. Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc thay đổi tên nhà đầu tư, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

a) Thành phần hồ sơ, gồm:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (*Mẫu I.7 Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015*);

- Kèm theo tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc tên dự án đầu tư.

b) Hồ sơ: 01 bộ gốc.

c) Thời gian giải quyết: Ban Quản lý các Khu công nghiệp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Trường hợp điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án đầu tư, diện tích đất sử dụng; mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; thời hạn hoạt động của dự án; tiến độ thực hiện dự án đầu tư; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (nếu có) và các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư (nếu có), nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

a) Thành phần hồ sơ, gồm:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (*Mẫu I.7 Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015*);

- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (*Mẫu I.8 Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015*);

- Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này);

- Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ và e Điểm 3.1 Khoản 3 Điều 10 của Quy chế này (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc.

c) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định Khoản 2 Điều này, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

3. Trường hợp điều chỉnh nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư:

a) Nhà đầu tư được quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư của mình cho nhà đầu tư khác khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Không thuộc một trong các trường hợp bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư 2014;

- Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài;

- Tuân thủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về kinh doanh bất động sản trong trường hợp chuyển nhượng dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

- Điều kiện quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có).

Trường hợp chuyển nhượng dự án phát sinh thu nhập, nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu tư thực hiện nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật.

b) Thành phần hồ sơ, gồm:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (*Mẫu I.6 Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015*);

- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư (*Mẫu I.8 Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015*);

- Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương;

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư (nếu có);

- Bản sao Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;

- Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc.

d) Thời gian giải quyết: Ban Quản lý các Khu công nghiệp xem xét điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời gian 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này.

Điều 13. Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trường hợp điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính, tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư, điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có), nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định như sau:

a) Thành phần hồ sơ: Theo quy định Điểm a Khoản 2 Điều 12 Quy chế này.

b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ hồ sơ, trong đó có 01 bộ gốc.

c) Trình tự và thời gian giải quyết:

Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp phải thông báo kết quả cho Nhà đầu tư. Thời gian này, không bao gồm thời gian hiệu chỉnh hồ sơ của Nhà đầu tư (nếu có).

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, Ban Quản lý các Khu công nghiệp gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan hoặc lấy ý kiến thẩm định qua hình thức họp Tổ Thẩm định dự án đầu tư về những nội dung điều chỉnh.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm

định bằng văn bản những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, và gửi Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

Trường hợp họp Tổ Thẩm định dự án đầu tư, các thành viên Tổ Thẩm định phải gửi Phiếu ý kiến cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tại cuộc họp, nếu thành viên Tổ Thẩm định ủy quyền người khác dự họp, thành viên đó có trách nhiệm gửi ý kiến của mình bằng văn bản hoặc Phiếu ý kiến cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tại cuộc họp.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các ý kiến thẩm định hoặc các Phiếu ý kiến, Ban Quản lý các Khu công nghiệp lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư và gửi cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

2. Trường hợp thay đổi nhà đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

a) Thành phần hồ sơ: Theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 12 Quy chế này.

b) Trình tự và thời gian giải quyết: Theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này.

3. Đối với dự án đầu tư đã được quyết định chủ trương đầu tư và nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành thì không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này. Trường hợp dự án thực hiện theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Quy chế này.

4. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án đầu tư và thành lập tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư đó thì thực hiện thủ tục cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, sau đó thực hiện thủ tục thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế.

Điều 14. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế

1. Tổ chức kinh tế được hình thành trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế (sau đây gọi chung là tổ chức lại) được kế thừa và tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với dự án đầu tư đã thực hiện trước khi tổ chức lại.

2. Nhà đầu tư quyết định việc tổ chức lại và xử lý tài sản, quyền, nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

3. Sau khi hoàn thành thủ tục quy định tại Khoản 2 Điều này, nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (*Mẫu I.7 Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015*);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu có giá trị pháp lý tương đương của nhà đầu tư tiếp nhận dự án đầu tư;

- Bản sao nghị quyết hoặc quyết định của nhà đầu tư về việc tổ chức lại, trong đó có nội dung về việc xử lý tài sản, quyền và nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc.

c) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 09 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 3 Điều này, Ban Quản lý các Khu công nghiệp điều chỉnh, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

4. Đối với dự án đầu tư không thực hiện theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh nhà đầu tư theo quy định tại các Khoản 3 và Khoản 4 Điều này. Việc chuyển quyền sở hữu tài sản cho nhà đầu tư tiếp nhận dự án đầu tư sau khi tổ chức lại thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 15. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài

1. Đối với dự án đầu tư phải điều chỉnh theo bản án, quyết định có hiệu lực của tòa án, trọng tài thì nhà đầu tư căn cứ bản án, quyết định đó để điều chỉnh, tiếp nhận và tiếp tục triển khai thực hiện dự án đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư thực hiện theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (*Mẫu I.7 Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015*);

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

- Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc.

c) Thời gian giải quyết: Ban Quản lý các Khu công nghiệp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 16. Thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Khi điều chỉnh dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư trong các trường hợp sau:

- a) Điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính;
- b) Tăng hoặc giảm trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư;
- c) Điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).

2. Trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tương ứng tại Điều 13 Quy chế này.

3. Đối với dự án quy định tại Khoản 4 Điều 10 Quy chế này, Ban Quản lý Khu công nghiệp lấy ý kiến thẩm định theo quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP liên quan đến nội dung điều chỉnh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định, Ban Quản lý các Khu công nghiệp quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

4. Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư 2014 phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ban Quản lý các Khu công nghiệp lấy ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP liên quan đến nội dung điều chỉnh để quyết định chủ trương đầu tư theo quy định như sau: Đối với dự án đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có liên quan, Ban Quản lý các Khu công nghiệp xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và nhà đầu tư.

Điều 17. Điều kiện, thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Dự án đầu tư chấm dứt hoạt động trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư 2014.

2. Việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư thực hiện theo thủ tục sau:

- a) Trường hợp tự quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư 2014, nhà đầu tư gửi quyết định

chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có);

b) Trường hợp chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo các điều kiện quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp hoặc hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư 2014, nhà đầu tư thông báo và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư kèm theo bản sao tài liệu ghi nhận việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư;

c) Trường hợp chấm dứt hoạt động dự án đầu tư theo quy định tại các Điểm d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư 2014, Ban Quản lý các Khu công nghiệp quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, đồng thời thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư chấm dứt hiệu lực kể từ ngày quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư có hiệu lực.

3. Đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư mà không thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư. Trong trường hợp này, nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), Giấy phép đầu tư tiếp tục có hiệu lực.

4. Trường hợp chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đồng thời chấm dứt hoạt động của tổ chức kinh tế thì dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều này và nhà đầu tư thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế.

5. Sau khi dự án đầu tư chấm dứt hoạt động, việc thanh lý dự án đầu tư thực hiện như sau:

a) Nhà đầu tư tự thanh lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về thanh lý tài sản;

b) Đối với dự án đầu tư được nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Trong quá trình thanh lý dự án đầu tư, nếu nhà đầu tư là tổ chức kinh tế bị giải thể hoặc lâm vào tình trạng phá sản thì việc thanh lý dự án đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản tổ chức kinh tế.

Điều 18. Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp Ban Quản lý các Khu công nghiệp không liên lạc được với nhà đầu tư

1. Trường hợp dự án đầu tư ngừng hoạt động và Ban Quản lý các Khu công nghiệp không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp thực hiện thủ tục sau:

a) Lập biên bản về việc dự án đầu tư ngừng hoạt động và không liên lạc được với nhà đầu tư;

b) Gửi văn bản yêu cầu nhà đầu tư liên lạc với Ban Quản lý các Khu công nghiệp để giải quyết việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đến địa chỉ mà nhà đầu tư đăng ký với Ban Quản lý các Khu công nghiệp. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi văn bản theo quy định tại Điểm này mà nhà đầu tư không liên lạc, Ban Quản lý các Khu công nghiệp thực hiện thủ tục quy định tại Điểm c Khoản 1 này;

c) Gửi văn bản đề nghị hỗ trợ liên lạc với nhà đầu tư đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhà đầu tư cư trú (đối với nhà đầu tư trong nước là cá nhân), cơ quan đại diện ngoại giao tại Việt Nam của nước mà nhà đầu tư mang quốc tịch (đối với nhà đầu tư nước ngoài) đồng thời đăng tải thông báo yêu cầu nhà đầu tư liên lạc với Ban Quản lý các Khu công nghiệp để giải quyết việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong thời hạn 90 ngày trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

2. Sau khi thực hiện các biện pháp quy định tại Khoản 1 Điều này và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày dự án đầu tư ngừng hoạt động mà không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.

3. Việc quản lý tài sản của dự án đầu tư sau khi Ban Quản lý các Khu công nghiệp quyết định chấm dứt hoạt động thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự về quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú.

4. Trong phạm vi chức năng, thẩm quyền của mình, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Ban Quản lý các Khu công nghiệp chỉ định người giám sát việc quản lý tài sản của dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều này khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người có quyền, lợi ích liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Cơ quan thuế, hải quan có trách nhiệm thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật có liên quan để thu hồi nợ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của nhà đầu tư đối với nhà nước (nếu có);

c) Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai thực hiện thu hồi đất, xử lý tài sản gắn liền với đất trong trường hợp dự án đầu tư thuộc diện thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

d) Cơ quan quản lý nhà nước về lao động đề xuất, hướng dẫn hỗ trợ người lao động bị mất việc làm và giải quyết các chế độ liên quan theo quy định của pháp luật về lao động;

đ) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác thực hiện hoạt động quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư trong phạm vi chức năng, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Mọi yêu cầu hoặc tranh chấp giữa nhà đầu tư với cá nhân, tổ chức về các quyền, nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư quy định tại Điều này được giải quyết tại Tòa án, Trọng tài theo thỏa thuận giữa các bên và quy định của pháp luật.

Điều 19. Chấm dứt hiệu lực của văn bản quyết định chủ trương đầu tư

Văn bản quyết định chủ trương đầu tư và văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chấm dứt hiệu lực theo quy định tại văn bản đó hoặc trong trường hợp dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

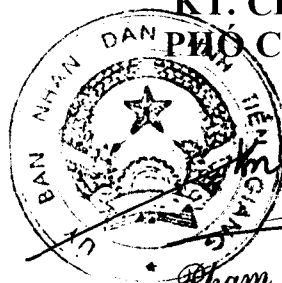
1. Phải xác định việc giải quyết các thủ tục hành chính để nhà đầu tư sớm thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn là một trong các giải pháp quan trọng để thu hút đầu tư. Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh phải tổ chức, sắp xếp bộ máy, bố trí nhân sự và trang bị cơ sở vật chất thích hợp để thực hiện tốt công tác này.

2. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra tình trạng cán bộ, công chức, viên chức của ngành, đơn vị mình gây ra ách tắc, những nhiễu, gây khó khăn cho nhà đầu tư đến quan hệ tìm hiểu cơ hội đầu tư, thực hiện các thủ tục đầu tư và triển khai thực hiện dự án trên địa bàn.

3. Phân công một thành viên trong ban lãnh đạo chịu trách nhiệm xử lý các vấn đề có liên quan đến đầu tư trên địa bàn, thông báo cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp biết để phối hợp thực hiện.

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các Chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp phản ánh về Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn

Tiền Giang, ngày tháng năm 2016

BẢNG TỔNG HỢP

Ý kiến của Thành viên UBND tỉnh về dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục đầu tư đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

Ngày 09/6/2016, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 206/VPUB-ĐT XD đề nghị các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến đối với dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục đầu tư đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15/6/2016 để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp ý kiến của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

1. Ông Lê Văn Hương, Chủ tịch: thống nhất.
 2. Ông Lê Văn Nghĩa, Phó Chủ tịch: thống nhất.
 3. Ông Trần Thanh Đức, Phó Chủ tịch: đồng ý.
 4. Ông Phạm Anh Tuấn, Phó Chủ tịch: đồng ý nội dung dự thảo.
 5. Ông Hồ Kinh Kha, Giám đốc Sở Tài chính: thống nhất.
 6. Ông Đoàn Thanh Liêm, Giám đốc Sở Nội vụ: thống nhất với dự thảo.
 7. Ông Phạm Văn Trọng, Chánh Văn phòng UBND tỉnh: thống nhất
- Kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành./.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Hữu Đức